

Số: 41/2026/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 97/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết A, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Tuyết A và ông Nguyễn Thành L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Bà Lê Thị Tuyết A và ông Nguyễn Thành L tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- *Về nuôi con tên:* Nguyễn Lê Thiện N, sinh ngày 07/3/2022 và Nguyễn Lê Thành Đ, sinh ngày 16/01/2024. Bà A và ông L tự thoả thuận về quyền nuôi con như sau:

+ Bà Lê Thị Tuyết A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con tên Nguyễn Lê Thiện N, sinh ngày 07/3/2022 và Nguyễn Lê Thành Đ, sinh ngày 16/01/2024, khi ly hôn.

+ Ông Nguyễn Thành L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, do bà A và ông L không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do bà A và ông L không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về số nợ phải thu, phải trả*: Tại phiên hòa giải, bà A và ông L không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Lê Thị Tuyết A tự nguyện nộp số tiền 150.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006092, ngày 03/4/2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Hoàn trả cho bà Lê Thị Tuyết A 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thạch Huỳnh Liêm